TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2019/QĐST-HNGĐ	*TS, ngày 22 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N - sinh năm 1992
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H - sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Vân S,huyện TS, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Chị Trịnh Thị N và anh Trần Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H.

- Về con chung: Công nhận chị N và anh H có 02 con chung: Cháu Trần Văn Minh K sinh ngày 16/12/2012 và cháu Trần Thảo V sinh ngày 18/9/2015. Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V. Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh K. Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị N nộp án phí sơ thẩm ly hôn cả phần của anh H, tổng cộng là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số AA/2018/0003413 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS. Chị N đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự
- VKSND TS
- CC Thi hành án;
- UBND xã Vân S;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu